

Số: 01/TB-TTPVHCC

Hải Hưng, ngày 12 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2025 của đơn vị dự toán Trung tâm phục vụ hành chính công xã Hải Hưng

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trung tâm phục vụ hành chính công xã Hải Hưng thông báo về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2025 trên Cổng thông tin điện tử của xã tại địa chỉ: <http://haihung.haiphong.gov.vn> (Có phục lục kèm theo).

Trung tâm phục vụ hành chính công xã thông báo để đơn vị liên quan nắm được./.

Nơi nhận:

- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VP.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đinh Văn Trọng



TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
CHƯƠNG: 833

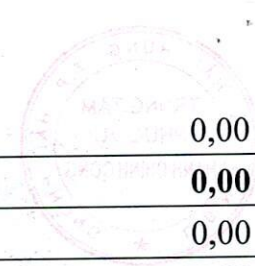
Mẫu biểu 02

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 02/QĐ-TTPVHCC ngày 12/10/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công xã)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	2
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	748,294
I	Nguồn ngân sách trong nước	748,294
1	Chi quản lý hành chính	748,294
-	Văn phòng HĐND và UBND	748,294
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	748,294
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0,00
II	Nguồn vốn viện trợ	0,00
1	Chi quản lý hành chính	0,00
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0,00
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0,00
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0,00
5	Chi bảo đảm xã hội	0,00
6	Chi hoạt động kinh tế	0,00
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,00
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0,00
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0,00



10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0,00
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0,00
1	Chi quản lý hành chính	0,00
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0,00
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0,00
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0,00
5	Chi bảo đảm xã hội	0,00
6	Chi hoạt động kinh tế	0,00
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,00
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0,00
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0,00
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0,00



Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TT phục vụ HCC

Chương: 833

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Hưng, ngày 12 tháng 10 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH
Quý III năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Trung tâm phục vụ hành chính công xã Hải Hưng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3 năm 2025 như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm + bổ sung	Ước thực hiện quý 3 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà	748,294	314,702	42,056	



	nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	748,294	314,702	42,056	
1	Chi quản lý hành chính	748,294	314,702	42,056	
	Trung tâm phục vụ hành chính công	748,294	314,702	42,056	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	748,294	314,702	42,056	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	0,00	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0,00	0,00	0,00	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0,00	0,00	0,00	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0,00	0,00	0,00	
5	Chi bảo đảm xã hội	0,00	0,00	0,00	
6	Chi hoạt động kinh tế	0,00	0,00	0,00	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,00	0,00	0,00	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0,00	0,00	0,00	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0,00	0,00	0,00	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0,00	0,00	0,00	
11	Chi Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội	0,00	0,00	0,00	
II	Nguồn vốn viện trợ	0,00	0,00	0,00	
1	Chi quản lý hành chính	0,00	0,00	0,00	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0,00	0,00	0,00	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0,00	0,00	0,00	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0,00	0,00	0,00	
5	Chi bảo đảm xã hội	0,00	0,00	0,00	
6	Chi hoạt động kinh tế	0,00	0,00	0,00	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,00	0,00	0,00	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0,00	0,00	0,00	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0,00	0,00	0,00	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0,00	0,00	0,00	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0,00	0,00	0,00	
1	Chi quản lý hành chính	0,00	0,00	0,00	
2	Chi sự nghiệp khoa học và	0,00	0,00	0,00	

	công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0,00	0,00	0,00	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0,00	0,00	0,00	
5	Chi bảo đảm xã hội	0,00	0,00	0,00	
6	Chi hoạt động kinh tế	0,00	0,00	0,00	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,00	0,00	0,00	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0,00	0,00	0,00	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0,00	0,00	0,00	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0,00	0,00	0,00	

